

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Ngọc Anh¹

Email: ngocanhngocanh315@gmail.com, ORCID: 0009-0009-5347-6647

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 07/01/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 21/01/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1114

Tóm tắt: Bài viết phân tích làm rõ một số vướng mắc, sai lầm trong thực tiễn định quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội và nguyên nhân của những vướng mắc, sai lầm này. Từ đó bài viết kiến nghị các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với tội trộm cắp tài sản.

Từ khóa: vướng mắc, sai lầm, thực tiễn, quyết định hình phạt, tội trộm cắp tài sản

I. Đặt vấn đề

Thông kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho thấy, giai đoạn 2021-2025 tổng số vụ phạm tội là 35707 vụ, tổng số người phạm tội là 69210, trong đó tổng số vụ phạm các tội xâm phạm sở hữu là 10148 vụ, tổng số người phạm các tội xâm phạm sở hữu là 14590; tổng số vụ phạm tội trộm cắp tài sản (TCTS) là 5225 vụ và tổng số người phạm tội TCTS là 6856 người (chiếm 51,5% tổng số vụ, 47% tổng số người phạm các tội xâm phạm sở hữu và chiếm 14,6% tổng số vụ, 9,9 tổng số người phạm tội nói chung) (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 2021-2025). Thực trạng này cho thấy diễn biến phức tạp của tội TCTS đòi hỏi cần phải tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý tội phạm TCTS, trong đó việc định tội danh

đúng sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả phòng, chống tội TCTS.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết về tội phạm, cấu thành tội phạm

Lý luận về tội phạm là một trong các lý thuyết cơ bản trong Luật Hình sự. Lý thuyết này làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm, như khái niệm, đặc điểm phân loại tội phạm; phân biệt rõ hành vi phạm tội với các hành vi vi phạm pháp luật khác (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019). Lý thuyết tội phạm là cơ sở ban đầu quan trọng của quyết định hình phạt.

Lý thuyết về cấu thành tội phạm cho phép phân biệt giữa tội TCTS với một số tội phạm khác như tội công nhiên chiếm

¹ Trường Đại học Kiểm sát

đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản. Cấu thành tội phạm chính là cơ sở pháp lý của áp dụng pháp luật hình sự (Nguyễn, 2013).

2.2. Lý thuyết về áp dụng pháp luật hình sự và quyết định hình phạt

Lý thuyết về áp dụng pháp luật hình sự là lý luận nền tảng quan trọng trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội TCTS. Lý thuyết quyết định hình phạt là lý luận quan trọng bảo đảm cho người áp dụng pháp luật hình sự có thể lựa chọn được loại và mức hình phạt đúng, phù hợp nhất với hành vi phạm tội (Võ, 2021).

Lý thuyết về quyết định hình phạt là lý luận nền tảng để xác định loại và mức hình phạt cụ thể để áp dụng đối với từng hành vi phạm tội TCTS cụ thể đã thực hiện (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019).

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu, như phương pháp phân tích, phương pháp bình luận, phương pháp quy nạp, phương pháp diễn dịch, phương pháp suy luận logic, phân tích luật, phương pháp nghiên cứu điển hình, phương pháp phỏng vấn chuyên gia để làm rõ thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội TCTS tại Thành phố Hà Nội (TPHN) giai đoạn 2021-2025. Từ đó làm rõ những vướng mắc, sai lầm trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội TCTS và nguyên nhân của những vướng mắc, sai lầm này. Từ đó bài viết đưa ra các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với tội TCTS.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Một số hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nghiên cứu một số bản án quyết định hình phạt trên địa bàn TPHN giai

đoạn 2021-2025 cho thấy vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc, bất cập sau đây:

Thứ nhất, xu hướng quyết định hình phạt quá nặng. Xu hướng này thể hiện trong vụ án số 1 như sau: Ngày 03/10/2024, Trương Hà V và Nguyễn Quang M đã trộm cắp điện thoại của anh B, trị giá 7.750.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, TAND quận Đống Đa đã xử phạt V 06 tháng tù về tội TCTS. Tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX đánh giá: Hình phạt áp dụng đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Trong vụ án này, tài sản bị trộm cắp không lớn, điện thoại đã được trả lại cho bị hại. M là người trực tiếp trộm cắp điện thoại mang đi bán, V có vai trò thấp hơn và thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội V đã ra đầu thú. Do đó, HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo V 05 tháng 05 ngày tù (Bản án số 195/2025/HS-PT ngày 13/03/2025). Như vậy, mức hình phạt mà HĐXX phúc thẩm áp dụng cho V thấp hơn so với mức hình phạt mà HĐXX sơ thẩm áp dụng là 25 ngày, tức là giảm gần 14 % (155 ngày so với 180 ngày). Rõ ràng mức hình phạt mà HĐXX sơ thẩm áp dụng cho V là quá nặng, chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội (HVPT) của V và cũng chưa phù hợp với các chính sách hình sự (CSHS) nhân đạo của Nhà nước.

Tương tự, ví dụ số 2: Ngày 19/3/2023, Nguyễn Thị P đã trộm cắp tài sản trị giá 26,496 triệu đồng. HĐXX sơ thẩm xử phạt P 15 tháng tù. HĐXX phúc thẩm nhận định: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường một phần cho người bị hại; bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt P mức án 15 tháng tù là quá nghiêm khắc. Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; hoàn cảnh gia đình khó khăn; số tiền và tài sản bị chiếm đoạt không lớn; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Từ đó HĐXX phúc thẩm xử phạt bị cáo P 09 tháng tù, cho hưởng án treo (Bản án số 476/2024/HS-PT). Trong vụ án này, cả HĐXX phúc thẩm và sơ thẩm đều thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 khi quyết định hình phạt cho bị cáo P. Tuy nhiên, HĐXX sơ thẩm quyết định mức hình phạt cho P là 15 tháng tù, trong khi HĐXX phúc thẩm chỉ quyết định mức hình phạt cho P là 9 tháng tù (giảm 6 tháng) và lại cho bị cáo P được hưởng án treo. Điều này cho thấy HĐXX sơ thẩm quyết định mức hình phạt cho P là quá nặng. Hơn nữa, HĐXX sơ thẩm cũng chưa đánh giá đúng khả năng tự giáo dục, tự cải tạo của P nên đã không cho P được hưởng án treo là chưa bảo đảm CSHS nhân đạo của Nhà nước.

Thứ hai, Tòa án có sai sót không áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Ví dụ vụ án số 3: Ngày 05/12/2024, Nguyễn Văn H trộm cắp chiếc ô tô của anh T trị giá 625 triệu đồng. Ngày hôm sau, H đã đầu thú và giao nộp lại xe. Tòa án sơ thẩm xử phạt H 13 năm tù về tội TCTS. HĐXX phúc thẩm nhận định: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện đầu thú; gia đình bị cáo có bà ngoại là người có công với Cách mạng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Sau khi thực hiện HVPT, bị cáo đã đầu thú và giao nộp

xe ô tô, như vậy hậu quả của tội phạm đã được bị cáo tự nguyện khắc phục. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”. Cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết này là thiếu sót. Từ nhận định này, HĐXX phúc thẩm đã xử phạt H 8 năm tù (Bản án số 961/2025/HS-PT). Như vậy, so với mức án 13 năm tù của bản án sơ thẩm thì bị cáo H được giảm 5 năm tù (giảm 38,5%), một mức chênh lệch rất lớn về hình phạt tù.

Tương tự ví dụ vụ án số 4 cũng có sai sót về việc áp dụng không đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS: Ngày 01/5/2023, Vũ Văn T đã trộm cắp tài sản trị giá 2.300.000 đồng. HĐXX sơ thẩm xử phạt T 06 tháng tù về tội TCTS. HĐXX phúc thẩm nhận định: bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm i, khoản 1, Điều 51 BLHS là thiếu sót chưa đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ HVPT của bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là nghiêm khắc. Từ nhận định này, HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38, Điều 47; điểm i, s, khoản 1, Điều 51 BLHS, xử phạt Vũ Văn T 04 tháng 15 ngày tù bằng mức hình phạt bị cáo đã chấp hành nên Tòa án tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa (Bản án số 802/2023/HSPT). Trong vụ án này, bị cáo V có hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s, khoản 1, Điều 51 BLHS nên hoàn toàn có thể áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho T được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức 04 tháng 15 ngày tù. Tuy nhiên, có thể vì T đã chấp hành 04 tháng 15 ngày tù nên HĐXX phúc thẩm không áp dụng Điều 54 BLHS mà quyết định cho T mức hình phạt đúng bằng thời gian đã bị tạm giam.

Thứ ba, Tòa án áp dụng không đúng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS. Ví dụ vụ án số 5: Từ tháng 4/2023 đến ngày 17/8/2023 các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Ngọc T đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp 06 chiếc xe máy với tổng giá trị tài sản được định giá là 74 triệu đồng. Bản án hình sự sơ thẩm xử phạt S 45 tháng tù; xử phạt T 30 tháng tù. HĐXX nhận định: các bị cáo đều chỉ phạm tội 04 lần, đều có việc làm và thu nhập ổn định và không đủ căn cứ chứng minh các bị cáo đã sử dụng tài sản có được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập chính nên hành vi của các bị cáo không thỏa mãn tình tiết “*có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS. Từ nhận định này, HĐXX phúc thẩm xử phạt bị cáo S 40 tháng tù, xử phạt bị cáo T 24 tháng tù (Bản án số 464/2024/HS-PT). Trong vụ án này, HĐXX sơ thẩm đã xác định không đúng tình tiết tăng nặng định khung «*Có tính chất chuyên nghiệp*» nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính đúng đắn, tính công bằng, vi phạm quyền con người của các bị cáo cũng như không phù hợp với nguyên tắc nhân đạo trong CSHS của Nhà nước ta.

4.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản

Thứ nhất, quy định của Bộ luật Hình sự về tội TCTS còn có bất cập. Tội TCTS là một trong các tội danh không có định nghĩa pháp lý. Kết quả phỏng vấn đối với 25 thẩm phán có nhiều năm kinh nghiệm xét xử các vụ án hình sự nói chung, vụ án về tội TCTS nói riêng ở các Tòa án Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương cho thấy: Có 21/25 Thẩm phán (tỷ lệ 84%) cho rằng nên định nghĩa tội TCTS trong BLHS nhằm bảo

đảm cơ sở pháp lý cũng như giúp phân biệt rõ nội hàm của hành vi “*lén lút*” (trộm cắp) với các hành vi chiếm đoạt khác như công khai, lừa dối... Có 21/25 Thẩm phán (tỷ lệ 84%) cho rằng quy định về trị giá tài sản bị chiếm đoạt trong các khoản của Điều 173 BLHS hiện hành về tội TCTS không còn phù hợp. Cần sửa đổi theo hướng tăng theo tỷ lệ trượt giá để phù hợp thực tiễn và phân hóa TNHS giữa các khung hình phạt. Có 11/25 Thẩm phán (tỷ lệ 44%) cho rằng quy định về các loại hình phạt trong các khoản của Điều 173 BLHS hiện hành không còn phù hợp. Việc không quy định hình phạt tiền là hình phạt chính trong tội TCTS là chưa phù hợp với bản chất vụ lợi của HVPT, vừa hạn chế tính linh hoạt trong quyết định hình phạt của Tòa án.

Thứ hai, trình độ nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp của các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân còn có hạn chế. Những hạn chế, sai sót đã phân tích ở trên là các minh chứng cụ thể cho các hạn chế trong trình độ nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp của các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi quyết định hình phạt. Mặt khác, những hạn chế trong nhận thức và kỹ năng nghề nghiệp của các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cũng là nguyên nhân dẫn đến xu hướng quyết định hình phạt quá nặng như các ví dụ nêu trên. Đây cũng là thực tế hiện nay khi việc áp dụng các hình phạt không tước tự do chiếm tỷ lệ rất thấp so với hình phạt tù (Trần, 2022b).

V. Kết luận

Từ những phân tích trên cho thấy, để bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với tội TCTS, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về tội TCTS. Để tạo thuận lợi cho việc định

tội danh và quyết định hình phạt đối với tội TCTS, cần bổ sung định nghĩa pháp lý cho tội TCTS (cũng như cần bổ sung định nghĩa pháp lý cho các tội danh khác chưa được định nghĩa trong BLHS). Có thể bổ sung khoản 1 Điều 173 BLHS như sau: “*Người nào lén lút chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý, ..., thì bị phạt...*”.

Mặt khác, kết quả phỏng vấn các Thẩm phán cho thấy, quy định về trị giá tài sản trong Điều 173 BLHS (cũng như trong các tội xâm phạm sở hữu nói chung) không còn phù hợp. Vì vậy cần phải nâng mức trị giá tài sản theo tỷ lệ trượt giá nhằm bảo đảm phân biệt giữa tội phạm với vi phạm pháp luật và phân hóa TNHS giữa các khung hình phạt. Có 17/25 thẩm phán (68%) đề nghị tăng mức trị giá tài sản là đối tượng của tội TCTS với mức khởi điểm chịu TNHS tại khoản 1 Điều 173 BLHS là 5 triệu hoặc 10 triệu đồng, khoản 2 là từ 100 triệu đồng trở lên; khoản 3 là từ 300 triệu đồng trở lên; khoản 4 là từ 1 tỷ đồng trở lên...

Cùng với việc tăng mức giá trị tài sản là đối tượng của tội TCTS thì cũng cần bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính. Kết quả phỏng vấn, có 18/25 Thẩm phán (tỷ lệ 72%) cho rằng, nên bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Cơ sở để bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với tội TCTS, vì: Bản chất của tội TCTS là xâm phạm lợi ích kinh tế, nên hình phạt tiền có tác dụng trừng phạt kinh tế, vừa giúp khắc phục hậu quả, bù đắp phần nào thiệt hại. Hình phạt tiền cũng phù hợp với xu hướng giảm hình phạt tù, tăng áp dụng các biện pháp không tước tự do theo tinh thần cải cách tư pháp. Để bảo đảm tính khả thi của hình phạt tiền, có thể nghiên

cứu kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức quy định hình phạt tiền theo ngày thu nhập, trường hợp không thi hành án thì cứ 01 ngày thu nhập sẽ đổi thành 01 ngày tù. (Trần, 2022a).

Thứ hai, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ

Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ. Quyết định số 1156/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể “*Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật*”; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định nhiệm vụ thứ 5 là: *Xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật* (Bộ Chính trị, 2025). Giai đoạn tới cần tích cực, khẩn trương triển khai thực hiện và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp này để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chất lượng nguồn nhân lực tư pháp, trong đó có chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

Thứ ba, tăng cường tổ chức tập huấn, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn, tăng cường công tác kiểm tra nghiệp vụ trong ngành TAND nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp sai sót, vướng mắc trong quyết định hình phạt. Thực tiễn cho thấy, các phiên tòa trực tuyến rút kinh nghiệm trong xét xử các vụ án về tội TCTS nói riêng, các vụ án hình sự nói chung đều rất hữu ích giúp cho các HĐXX có thể tiếp thu, học tập lẫn nhau các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp quý báu trong quá trình chuẩn bị xét xử, quá trình xét hỏi, quá trình điều

khuyến tranh luận tại phiên tòa, cũng như quá trình nghị án, quyết định hình phạt.

Thứ tư, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, bảo đảm tranh tụng là đột phá nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án để bảo đảm công lý, công bằng. Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định: Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá (Bộ Chính trị, 2022). Quá trình tranh tụng sẽ giúp làm rõ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân người phạm tội (như phạm tội lần đầu, người phạm tội là phụ nữ có thai, người già, người dưới 18 tuổi...) Chỉ khi nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, bảo đảm tranh tụng là đột phá thì Tòa án mới có thể áp dụng pháp luật chính xác, hạn chế sai sót và quyết định đúng, phù hợp về loại và mức hình phạt đối với người phạm tội.

Thứ năm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ việc quyết định hình phạt đúng.

Hiện nay, công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao đã công bố hàng triệu bản án. Một trong những tính năng vượt trội của AI có khả năng quét hàng triệu bản án để tìm ra các vụ việc có tình tiết tương tự (tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội). Đây sẽ là nguồn tham khảo quan trọng cho HĐXX để có thể đưa ra được loại và mức hình phạt phù hợp, tương xứng nhất với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội TCTS. Điều này sẽ vừa giúp HĐXX tránh được việc bỏ sót các tình tiết trong vụ án, vừa giúp các HĐXX *đánh giá đầy đủ, chính xác* mức độ của các tình tiết này đóng góp vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội TCTS, qua đó giúp lựa chọn được mức hình phạt phù hợp, tương xứng nhất.

Kế hoạch 131/KH-TANDTC ngày 25/3/2025 của TAND tối cao về chuyển đổi số ngành Tòa án nhân dân năm 2025 đã xác định yêu cầu: *Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả các phần mềm nội bộ dùng chung, nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ trên nền tảng số, đồng thời tập trung hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật số, đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động tố tụng trực tuyến* (Tòa án nhân dân tối cao, 2025). Đây chính là cơ sở quan trọng để ngành Tòa án tăng cường thực hiện chuyển đổi số để ứng dụng tốt nhất công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo phục vụ hiệu quả cho các hoạt động, trong đó có hoạt động quyết định hình phạt đúng, phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- Bản án số 195/2025/HS-PT ngày 13/03/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. (2025). Xét xử bị cáo Trương Hà V phạm tội TCTS, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1798584t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 20/12/2025
- Bản án số 476/2024/HS-PT ngày 05/6/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. (2024). Xét xử Nguyễn Thị P phạm tội TCTS.
- Bản án số 961/2025/HS-PT ngày 11/11/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. (2025). Xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội TCTS.
- Bản án số 802/2023/HSPT ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. (2023). Xét xử Vũ Văn T phạm tội TCTS.
- Bản án số 464/2024/HS-PT ngày 30/5/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. (2024). Xét xử Nguyễn Văn S (sinh năm 1997), Nguyễn Ngọc T (sinh năm 2006) phạm tội TCTS.
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ*

- nguyên mới. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/ngphi-quyet-so-66-nq-tw-ve-doi-moi-cong-tac-xay-dung-va-thi-hanh-phap-luat-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-dat-nuoc-trong-ky-nguyen-moi-119250502073027466.htm>
- Bộ Chính trị. (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- Nguyễn, N. H. (2013). *Tội phạm và cấu thành tội phạm*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2025). *Kế hoạch 131/KH-TANDTC ngày 25/3/2025 về chuyển đổi số ngành Tòa án nhân dân năm 2025*.
- Trần, H. T. (2022a). Hình phạt tiền trong Luật Hình sự Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (97), 1-12.
- Trần, H. T. (2022b). Thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không tước tự do đối với người phạm tội ở nước ta hiện nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (90), 65-75.
- Trường Đại học Luật Hà Nội. (2019). *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (n.d.). *Thống kê tình hình giải quyết án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025*. (Nếu có báo cáo chính thức hoặc nguồn cụ thể, bổ sung năm xuất bản và URL nếu truy cập được; hiện tại dùng n.d. vì không chỉ rõ năm cụ thể trong query).
- Võ, K. V. (2021). *Áp dụng pháp luật hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

SOLUTIONS TO ENSURE CORRECT IMPOSITION OF PENALTIES FOR THEFT OF PROPERTY IN HANOI

Phan Ngoc Anh¹

Abstract: *The article analyzes problems and mistakes in the practice of imposing penalties for theft of property in Hanoi, as well as their causes. Based on this analysis, the article proposes solutions to ensure the correct imposition of penalties for the crime of theft of property.*

Keywords: *problems, mistakes, sentencing practice, imposition of penalties, theft of property*

¹ Vietnam Procuratorate University